

Số: 115 /KH-UBND

Cẩm Tây, ngày 11 tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH

Kiểm kê đất đai và lập Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn phường Cẩm Tây

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Văn bản số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Kiểm kê đất đai năm 2024;

Thực hiện kế hoạch số 274.1/KH-UBND ngày 11/10/2024 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc Kiểm kê đất đai và lập Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố Cẩm Phả;

Ủy ban nhân dân phường Cẩm Tây xây dựng Kế hoạch kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn phường, với những nội dung cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu và phạm vi, đối tượng

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

- Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 nhằm đánh giá thực trạng tình hình sử dụng đất đai của phường, làm cơ sở đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai của các cấp trong 05 năm qua và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý Nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; đồng thời làm cơ sở cho việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất, lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm và là cơ sở quan trọng để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn phường và thành phố Cẩm Phả.

- Việc kiểm kê đất đai năm 2024 thực hiện theo quy định tại Điều 9 và các Điều 56, 57, 58 Luật Đất đai năm 2024; đồng thời trong kỳ kiểm kê đất đai này sẽ thực hiện đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng đất khu vực đất sạt lở, bồi đắp; đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường làm cơ sở để thực hiện các biện pháp tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đối với các loại đất này (trong trường hợp có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND Tỉnh).

1.2. Yêu cầu

- Phổ biến, quán triệt nhiệm vụ đến lãnh đạo và các cán bộ chuyên môn và tuyên truyền cho người dân về Kế hoạch thực kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

- Công tác tổ chức, điều tra thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu kiểm kê phải được thực hiện nghiêm túc và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời gian; bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh thực tế sử dụng đất của phường.

- Kiểm kê đất đai phải được thực hiện trực tiếp từ cấp phường theo Điều 59 Luật Đất đai năm 2024; quá trình thực hiện phải được kiểm soát chặt chẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả, khắc phục hạn chế, tồn tại của các kỳ kiểm kê trước đây.

2. Phạm vi thực hiện

- Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được thực hiện trên phạm vi toàn phường; là đơn vị cơ bản để tiến hành kiểm kê đất đai. Kết quả kiểm kê đất đai cấp xã là cơ sở để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai cấp huyện. Phạm vi kiểm kê đất đai được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 08/2024/TTBTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kiểm kê đất đai sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì xây dựng và thực hiện; UBND cấp xã là đơn vị phối hợp thực hiện.

3. Đối tượng kiểm kê đất đai: Đối tượng thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 gồm: Diện tích của các loại đất, đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý. Trong kỳ kiểm kê đất đai sẽ thực hiện đánh giá về tình hình quản lý sử dụng đất khu vực đất sạt lở, bồi đắp; đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường và các chuyên đề khác tại địa phương làm cơ sở để thực hiện các biện pháp tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất với các loại đất này (trong trường hợp có Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND Tỉnh).

II. Nguyên tắc và nội dung

1. Nguyên tắc

- Việc thu thập số liệu trong kiểm kê đất đai được tổng hợp trực tiếp từ thực địa đối chiếu với hồ sơ địa chính, hồ sơ giao đất hoặc cho thuê đất, chuyên mục 3 đích sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai và các hồ sơ khác có liên quan trên địa bàn các xã, phường.

- Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 phải phản ánh được sự phân bố các loại đất kiểm kê theo từng khu phố. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của phường được lập trên cơ sở tổng hợp bản đồ địa chính, bản đồ địa chính cơ sở hoặc bản đồ ảnh viễn thám, bản đồ giải thửa hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất kỳ trước của phường có đối chiếu, rà soát với số liệu kiểm kê đất đai.

- Tổng diện tích các loại đất theo số liệu kiểm kê đất đai phải bằng diện tích tự nhiên của phường; trường hợp tổng diện tích tự nhiên theo số liệu kiểm kê khác với diện tích tự nhiên đã công bố thì phải giải trình rõ nguyên nhân và đề xuất biện pháp giải quyết.

- Số liệu kiểm kê đất đai phải phản ánh đầy đủ hiện trạng sử dụng đất thực tế; diện tích đất đai không được tính trùng, không được bỏ sót trong số liệu kiểm kê đất đai; số liệu đất đai thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất phải thống nhất với số liệu kiểm kê đất đai tại thời điểm kiểm kê.

- Diện tích đất trong các biểu kiểm kê đất đai được xác định theo mục đích hiện đang sử dụng có ghi nhận mục đích theo quy hoạch sử dụng đất.

2. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

2.1. Nội dung kiểm kê đất đai: Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn toàn phường.

a) Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phải xác định được đầy đủ số liệu, diện tích đất tự nhiên của các khu phố theo các chỉ tiêu kiểm kê đất đai về loại đối tượng đang quản lý, sử dụng đất đến thời điểm kiểm kê tính đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Điều 57 Luật Đất đai 2024.

b) Thực hiện kiểm kê chi tiết các loại đất gồm: (i) Diện tích các loại đất theo quy định tại Điều 9 của Luật Đất đai năm 2024, các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và đối tượng quản lý, sử dụng đất quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật Đất đai năm 2024; (ii) Tình hình quản lý, sử dụng đất khu vực sạt lở, bồi đắp; đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường và các chuyên đề khác (nếu có).

2.2. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được xây dựng trên phạm vi toàn phường theo ranh giới các khu phố. Trong đó bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, phường được lập là bản đồ hiện trạng sử dụng đất cơ bản.

- Nội dung, phương pháp và ký hiệu thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

2.3. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đến năm 2024:

Trên cơ sở số liệu kiểm kê đất đai đã được tổng hợp, thực hiện phân tích, đánh giá đúng thực trạng tình hình sử dụng quỹ đất, tình hình biến động đất đai, tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phân tích, làm rõ những nguyên nhân hạn chế, yếu kém và đề xuất biện pháp khắc phục.

2.4. Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024: Nội dung xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai theo quy định tại khoản 8 Điều 10 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

III. Giải pháp thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024

1. Việc kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được thực hiện theo đúng phương pháp quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; các nội dung tại điểm a Mục 2 của Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ, được thực hiện trên cơ sở tài liệu, dữ liệu đất đai hiện có, kết hợp với điều tra thực tế, khoan vẽ, chỉnh lý lên bản đồ đối với các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê (từ năm 2019 đến năm 2024) và tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai năm 2024.

2. Việc kiểm kê đất đai chuyên đề đối với các nội dung tại điểm b Mục 2 của Chỉ thị số 22/CT-TTg được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp và các phương pháp khác có liên quan để tổng hợp, báo cáo.

3. Áp dụng công nghệ thông tin cho việc thu thập, tính toán, tổng hợp diện tích đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp để bảo đảm độ chính xác, thống nhất kết quả kiểm kê đất đai.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để bảo đảm chất lượng số liệu kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất phản ánh đúng thực tế sử dụng đất, nhất là việc thực hiện ở cấp phường và khu phố để đảm bảo yêu cầu chất lượng số liệu kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất phản ánh đúng thực tế sử dụng đất và tính trung thực của số liệu kiểm kê đất đai năm 2024.

5. Đơn vị, cá nhân trực tiếp thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất có trách nhiệm tự kiểm tra kết quả trong suốt quá trình thực hiện và sau khi hoàn thành mỗi sản phẩm. Việc kiểm tra, nghiệm thu theo đúng quy định tại Điều 21 của Thông tư số 08/2024/TT- BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Thời gian thực hiện.

1. Thời điểm triển khai thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 57 Luật đất đai năm 2024 “*Kiểm kê đất đai được thực hiện 05 năm một lần, tính đến hết 31 tháng 12 của năm có chữ số cuối là 4 hoặc 9*”. Số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 được tính đến ngày 31/12/2024;

2. Công tác kiểm kê đất đai: được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thời hạn hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trước ngày 01/02/2025.

V. Kinh phí kiểm kê, đo đạc lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024

Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí đối với các nhiệm vụ do các cấp (cấp xã, cấp huyện) thực hiện theo quy định phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước 5 hiện hành (theo đúng Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024, Quyết định số 817/QĐ- TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

VI. Sản phẩm giao nộp

Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp được thực hiện theo quy định tại Điều 23, Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. cụ thể:

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai đã được phê duyệt (01 bộ giấy và 01 bộ số).
- Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp xã, phường được quy định tại điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất đã được phê duyệt (01 bộ giấy và 01 bộ số).
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất đã được phê duyệt (01 bộ giấy và 01 bộ số định dạng *.dgn). - Bản đồ kiểm kê đất đai định dạng *.dgn, bộ dữ liệu kiểm kê đất đai được tổng hợp từ phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường (các định dạng được đóng gói theo tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước) và danh sách các khoanh đất trong năm kiểm kê đất đai (01 bộ số).

VII. Phân công nhiệm vụ và tổ chức thực hiện

1. Tổ chuyên môn giúp việc kiểm kê đất đai:

Tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phối hợp cung cấp thông tin đến việc Kiểm kê đất đai trên địa bàn phường.

a) Phối hợp cùng đơn vị tư vấn (nếu có) để thu thập các hồ sơ, tài liệu, bản đồ, số liệu liên quan đến biến động đất đai trong kỳ kiểm kê đất đai trên địa bàn và hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai kỳ trước, kết quả thống kê đất đai hằng năm trong kỳ kiểm kê đất đai của địa phương; rà soát cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có); tiếp nhận Danh sách các trường hợp biến động trong năm thống kê đất đai và kỳ kiểm kê đất đai tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT do Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến.

- Xác định phạm vi kiểm kê đất đai ở địa phương theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

b) Rà soát, đối chiếu, lựa chọn các tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập để sử dụng cho lập bản đồ kiểm kê đất đai: (i) Đối với phường, xã đã có cơ sở dữ liệu đất đai được xây dựng sau thời điểm lập bản đồ kiểm kê đất đai kỳ trước mà đang được vận hành thì sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai để thực hiện lập bản đồ kiểm kê đất đai; (ii) Đối với phường, xã chưa có cơ sở dữ liệu đất đai nhưng đã có bản đồ địa chính thành lập sau thời điểm lập bản đồ kiểm kê đất đai kỳ trước thì sử dụng

bản đồ địa chính để thực hiện lập bản đồ kiểm kê đất đai. Đối với phường, xã có bản đồ kiểm kê đất đai kỳ trước được lập từ bản đồ địa chính nhưng tại thời điểm kiểm kê đất đai chưa xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thì sử dụng bản đồ kiểm kê đất đai kỳ trước; (iii) Đối với phường, xã có bản đồ kiểm kê đất đai kỳ trước chưa được lập từ bản đồ địa chính và không có các nguồn tài liệu tại điểm a và điểm b khoản này thì sử dụng các nguồn tài liệu sau (nếu có): Bình đồ ảnh mới thành lập trước thời điểm kiểm kê không quá 02 năm đã được nắn chỉnh về cơ sở toán học của bản đồ kiểm kê đất đai cần lập theo quy định; dữ liệu không gian đất đai nền; cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; hệ thống bản đồ địa hình quốc gia mới thành lập sau kỳ kiểm kê đất đai gần nhất có tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ bản đồ kiểm kê đất đai đã lập kỳ trước để lập bản đồ kiểm kê đất đai.

c) In tài liệu phục vụ cho kiểm kê đất đai.

d) Điều tra, rà soát, cập nhật, chỉnh lý các biến động đất đai trong kỳ kiểm kê:

- Rà soát các trường hợp thay đổi về loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất tại danh sách các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê đất đai do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố chuyên đến; cập nhật thông tin trước và sau biến động của khoanh đất vào Danh sách các trường hợp biến động trong năm thống kê đất đai và kỳ kiểm kê đất đai tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

- Rà soát khoanh vẽ nội nghiệp phục vụ lập bản đồ kiểm kê đất đai; tài liệu sử dụng cho điều tra kiểm kê đối với các trường hợp có biến động đã thực hiện thủ tục hành chính về đất đai và biên tập tổng hợp các thửa đất thành các khoanh đất theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT; in bản đồ kiểm kê đất đai phục vụ điều tra khoanh vẽ ngoại nghiệp.

- Điều tra đối soát ngoài thực địa, xác định ranh giới các khoanh đất theo loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất.

- Chuyên vẽ, xử lý tiếp biên, đóng vùng các khoanh đất và cập nhật thông tin loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất lên bản đồ kiểm kê đất đai dạng số từ kết quả điều tra thực địa theo chỉ tiêu kiểm kê chi tiết.

- Chuyên vẽ, xử lý tiếp biên, đóng vùng các khoanh đất sau khi đã thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này để biên tập, lập bản đồ kiểm kê đất đai theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

- Lập Danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

e) Xử lý, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai của cấp xã, lập các biểu quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

g) Xây dựng báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất với nội dung chính

- Khái quát về tình hình quản lý đất đai của địa phương. - Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất trong các nhóm đất (nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng).

- Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý đất.

- So sánh, phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất của kỳ kiểm kê đất đai với kỳ kiểm kê đất đai liền trước. h) Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã, phường và xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định tại các điều 16, 17, 18 và 19 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

i) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai với nội dung chính:

- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; tình hình tổ chức thực hiện, phương pháp điều tra, thu thập số liệu kiểm kê đất đai, nguồn gốc số liệu thu thập tại địa phương và đánh giá độ tin cậy của số liệu thu thập.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu kiểm kê đất đai; phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất của năm kiểm kê đất đai với số liệu của 02 kỳ kiểm kê đất đai gần nhất.

- Đánh giá tình hình chưa thống nhất về đường địa giới đơn vị hành chính thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai (nếu có).

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất.

k) Kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai.

l) Hoàn thiện, phê duyệt kết quả kiểm kê đất đai.

m) In sao và giao nộp kết quả kiểm kê đất đai theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 23 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT

2. Bộ phận Địa chính – xây dựng phường

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Phòng Tài nguyên & môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất rà soát, đơn vị tư vấn cung cấp thông tin bản đồ, tài liệu và tổng hợp các trường hợp biến động về loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý và các hồ sơ đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyển về cho UBND phường để phục vụ cho điều tra kiểm kê đất đai năm 2024.

- Tham mưu, phối hợp giải quyết những phát sinh vướng mắc về địa giới hành chính xã (nếu có).

- Phối hợp với đơn vị tư vấn đồng thời chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân phường về nội dung, chất lượng số liệu và thời gian thực hiện, hoàn thành, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 theo đúng quy định

3. Bộ phận Tài Chính – Kế Toán:

Chủ động tham mưu lãnh đạo UBND phường bố trí nguồn kinh phí cho tổ chuyên môn giúp việc Kiểm kê đất đai theo kế hoạch của UBND phường.

4. Bộ phận Văn phòng – Thống kê phường:

Phối hợp với bộ phận địa chính phường cung cấp thông tin thống kê về tình hình kinh tế - xã hội, dân số, lao động, việc làm và các thông tin khác về thống kê

theo yêu cầu để phục vụ cho việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 và kiểm kê đất đai chuyên đề trên địa bàn phường.

5. Bộ phận Văn hóa và Thông tin:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với tổ chuyên môn giúp việc Kiểm kê đất đai phường rà soát, cung cấp thông tin về lĩnh vực được giao nhiệm vụ quản lý. Đồng thời, tuyên truyền về chủ trương, Kế hoạch kiểm kê đất đai trên các phương tiện thông tin và đăng trên Cổng thông tin điện tử phường, trên hệ thống truyền thanh của phường về công tác kiểm kê đất đai trên địa bàn phường

6. Công an phường

Tự tổ chức kiểm kê diện tích đất đơn vị đang sử dụng vào từng mục đích cụ thể cho quốc phòng, an ninh; phối hợp với tổ chuyên môn giúp việc Kiểm kê đất đai phường xác định vị trí, diện tích sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh trên địa bàn phường trong thời gian kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

7. Các đơn vị Trường học, y tế trên địa bàn phường

Căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với tổ chuyên môn giúp việc Kiểm kê đất đai phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, cung cấp thông tin về các lĩnh vực được giao nhiệm vụ quản lý.

8. Lãnh đạo các khu phố

Chủ động tham gia phối hợp khi có yêu cầu. Tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân trong khu phố đang quản lý về Kế hoạch kiểm kê đất đai và lập Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

9. Đề nghị Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể phường:

- Đề nghị Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể tham gia phối hợp tuyên truyền cho người dân, các tổ viên, thành viên về Kế hoạch thực hiện Kiểm kê đất đai và lập Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

Trên đây là Kế hoạch Kiểm kê đất đai và Lập Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn phường Cẩm Tây. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội, các bộ phận chuyên môn, lãnh đạo các khu, các đơn vị trường học, y tế quan tâm phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố TP (b/cáo);
- Phòng TNMT thành phố (b/cáo);
- Đảng ủy – HĐND phường (b/c);
- Các thành phần theo kế hoạch;
- Lưu: VP HĐND-UBND phường.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Dũng